Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9013.90.90

Mã HS	9013.90.90
Mô tả hàng hóa	Thiết bị tạo tia laser, trừ đi-ốt laser; các thiết bị và dụng cụ quang học khác, chưa được nêu hoặc chi tiết ở nơi nào khác trong Chương này / - Bộ phận và phụ kiện: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	06/11/2026 02:38:22
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90139090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18032
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18032
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18032
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17341
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17270
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17270
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17270
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17270
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17270
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17270
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17326
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17326

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17326
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17326
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17326
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17326
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17327
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17327
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17327
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17327
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17327
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17327
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17332
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17288
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17284
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17284
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17284
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17284
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17284
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17284
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17330
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17330
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17330
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17330
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17330
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17330
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17392
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17392

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17392
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17392
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17392
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17392
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17368
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17368
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17368
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17368
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17368
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17368
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D1050
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E1050
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17363
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17363
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17363
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17363
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17363
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17363
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17393
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17393
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17393
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17393
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17393
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17393
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17392
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17392

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17392
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17392
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17392
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17392
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17486
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17486
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17486
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17486
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17486
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17486
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17486
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17355
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17355
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17355
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17355
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17355
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17355
RCEP B	2022	2022	0	B!D17355
RCEP B	2023	2023	0	B!E17355
RCEP B	2024	2024	0	B!F17355
RCEP B	2025	2025	0	B!G17355
RCEP B	2026	2026	0	B!H17355
RCEP B	2027	2027	0	B!I17355
RCEP C	2022	2022	0	C!D17353
RCEP C	2023	2023	0	C!E17353
RCEP C	2024	2024	0	C!F17353

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2025	2025	0	C!G17353
RCEP C	2026	2026	0	C!H17353
RCEP C	2027	2027	0	C!I17353
RCEP D	2022	2022	0	D!D17352
RCEP D	2023	2023	0	D!E17352
RCEP D	2024	2024	0	D!F17352
RCEP D	2025	2025	0	D!G17352
RCEP D	2026	2026	0	D!H17352
RCEP D	2027	2027	0	D!I17352
RCEP E	2022	2022	0	E!D17356
RCEP E	2023	2023	0	E!E17356
RCEP E	2024	2024	0	E!F17356
RCEP E	2025	2025	0	E!G17356
RCEP E	2026	2026	0	E!H17356
RCEP E	2027	2027	0	E!I17356
RCEP F	2022	2022	0	F!D17355
RCEP F	2023	2023	0	F!E17355
RCEP F	2024	2024	0	F!F17355
RCEP F	2025	2025	0	F!G17355
RCEP F	2026	2026	0	F!H17355
RCEP F	2027	2027	0	F!I17355
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16274
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16274
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16274
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16274

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9013.90 có 4 dòng thuế; dòng 9013.90.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	9013.90.10 Của hàng hóa thuộc phân nhóm 9013.20.00; 9013.90.60 Của hàng hóa thuộc phân nhóm 9013.80.10; 9013.90.70 Của hàng hóa thuộc phân nhóm 9013.10.10	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9013.90.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9013.90.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18032), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.